

Một vài suy nghĩ từ việc điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Dự trữ quốc gia Australia (RBA)

Ths. Hoàng Thị Lan Hương, Th.s Phan Thị Hạnh

Đại học Kinh tế Quốc dân

So với các quốc gia như Thái Lan, Singapore, Malaysia, Indonesia, hay Trung Quốc thì Australia dường như có ít điểm tương đồng với Việt Nam hơn. Điều này không phải chỉ do khoảng cách địa lý, mà còn do yếu tố lịch sử và sự khác biệt khá lớn về thể chế giữa hai quốc gia. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn có thể học hỏi nhiều từ đất nước này, đặc biệt cách điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Dự trữ quốc gia Australia (RBA – Reserve Bank of Australia).

Ở Australia, mặc dù đôla Mỹ (USD) được sử dụng để hạch toán trong cán cân thanh toán quốc tế và trong nhiều báo cáo tài chính, thương mại nhưng đồng bản tệ (AUD) vẫn luôn là đồng tiền duy nhất được sử dụng trong lưu thông tại quốc gia này. Đi vào bất kỳ nơi nào, từ trung tâm mua bán lớn hay tới những cửa hàng nhỏ, dù là hàng hóa được sản xuất tại Australia hay của các hãng nổi tiếng trên thế giới, giá cả đều được yết và việc thanh toán thực sự đều bằng đôla Úc (ký hiệu A\$). Những người sống và làm việc ở Australia chỉ dùng đôla Mỹ, Euro, Bảng Anh, Yên Nhật... khi đi công tác hoặc du lịch ở nước ngoài. Người dân Úc đã từ nhiều năm nay không có thói quen tích trữ ngoại tệ mạnh hay vàng, tất cả giao dịch dù giá trị nhỏ hay lớn đều được thực hiện bằng đôla Úc.

Giữa tháng 8/2011, giá vàng tại Việt Nam đã lên tới mức kỷ lục (hơn 49 triệu đồng/lượng), đã có hiện tượng người dân Việt Nam đổ xô đi bán vàng khi giá bắt đầu giảm và lại xếp hàng mua vào khi giá đang tăng cao. Những đợt sóng không còn là “ngầm” này đã ảnh hưởng rất lớn tới toàn bộ nền kinh tế và đời sống của nhân dân. Tiêu điểm của cuộc sống không còn là khu vực sản xuất tạo ra được bao nhiêu sản phẩm vật chất, mà là diễn biến giá cả của loại tiền tệ đặc biệt này.

Năm 2010, theo công bố của Hãng tin Mỹ Huffington Post, thu nhập bình quân đầu người của Australia là 48066 USD. Trong khi đó, theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, con số này của Việt Nam

ước tính là 1200 USD. Với chênh lệch lớn như vậy (hơn 40 lần), liệu Việt Nam có bao giờ so sánh được với Australia hay không?

1. Sơ lược về đất nước và nền kinh tế Australia

Australia, một đất nước với diện tích khoảng 3 triệu km², ngay từ thập niên 1960 đã là một nền kinh tế mở với xuất khẩu chiếm 15-20% tổng sản phẩm quốc dân, hầu hết là sản phẩm sơ cấp. Australia gồm có 6 tiểu bang, tuy nhiên, các tiểu bang này không được thực hiện các chính sách một cách độc lập, bởi đây là một quốc gia có nền kinh tế rất hội nhập.

Như bao quốc gia khác, chính sách kinh tế của Chính phủ Australia gồm có 4 mục tiêu: **ổn định giá cả, toàn dụng nhân công, tăng trưởng kinh tế, và cân bằng cán cân thanh toán**. Bốn mục tiêu này, tất nhiên, không thể đạt được cùng một lúc. Toàn dụng nhân công sẽ song hành với gia tăng lạm phát, nhưng phải toàn dụng được nhân công thì mới đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh. Tuy nhiên, nền kinh tế tăng trưởng tất yếu làm phát sinh nhu cầu nhập khẩu ngày càng lớn. Kết quả là, mục tiêu cân bằng cán cân thanh toán không thể đạt được.

Các chương trình đầu tư của Australia phần lớn là đầu tư trực tiếp và dựa trên nguồn lực trong nước, tuy nhiên dòng vốn từ nước ngoài cũng đóng một vai trò hết sức quan trọng, không chỉ đóng góp đáng kể vào giá trị nguồn lực mà còn giúp quốc gia này tiếp nhận được những bí quyết công nghệ từ các nước công nghiệp tiên tiến.

Bảng 1. Thị trường xuất khẩu của Australia

Thị trường xuất khẩu của Australia	2002	2010
Nhật Bản	18,5%	15,3%
EU	12,4%	9,6%
Asean	12,2%	11%
Mỹ	9,6%	5,8%
Hàn Quốc	8,3%	7,2%
Trung Quốc	7%	20,6%
NewZealand	6,6%	4,4%
Đài Loan	4%	2,9%
Nam A	3%	7,8%
Khác	18,3%	15,4%

Nguồn: Vụ Ngoại giao và Thương mại, Ủy ban Thương mại Australia và tính toán của tác giả

Thế mạnh của Australia là ngành công nghiệp khai khoáng. Theo số liệu thống kê của Vụ ngoại giao và thương mại (thuộc Ủy ban thương mại Australia), trong cơ cấu xuất khẩu giai đoạn 2007-2010 của Australia, sản phẩm thô chiếm tới 70%, bao gồm nguyên liệu thô như than và quặng sắt, nhiên liệu, thực phẩm đã và chưa chế biến; sản phẩm máy móc thiết bị chiếm gần 20%.

Bảng 1 cho thấy, trong một thập kỷ trở lại đây, Trung Quốc bứt phá từ vị trí 18 vào năm 1981, vươn lên thứ 13 vào năm 1991, thứ 6 vào năm 2002, đã trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Australia trong giai đoạn 2007-2010. Không chỉ có vậy, hàng hóa Trung Quốc nhập khẩu vào Australia cũng từ vị trí thứ 3 (2002) tiến lên vị trí cao nhất kể từ năm 2007 (Bảng 2). Nếu như năm 2002, nhập khẩu của Australia từ Trung Quốc chỉ chiếm 9,4% thì trong giai đoạn 2007-2010 con số này đã là 18% (riêng

2010 là 20,6%). Đặc biệt, sản phẩm may mặc, da giày và đặc biệt đồ chơi trẻ em của Trung Quốc tràn ngập các cửa hàng, siêu thị của Australia. Điều này không chỉ đúng với riêng Australia mà còn đúng với nhiều quốc gia trên thế giới, từ nước phát triển như Mỹ cho tới nước đang phát triển như Việt Nam. Trung Quốc cũng là đối tác xuất khẩu lớn nhất vào Việt Nam. Đây có thể được coi là điểm tương đồng lớn nhất giữa Việt Nam và Australia.

2. Điều hành, ra quyết định và thực thi chính sách tiền tệ

Ở Australia, chính sách tiền tệ được điều hành bởi Ngân hàng dự trữ quốc gia (RBA), ngân hàng này trực thuộc Chính phủ. RBA được trao toàn quyền kiểm soát thị trường ngoại hối, và quyết định tỷ giá. Các quyết định của RBA xoay quanh duy nhất một công cụ của chính sách tiền tệ, đó là mức lãi suất cho vay qua đêm trên thị trường tiền tệ

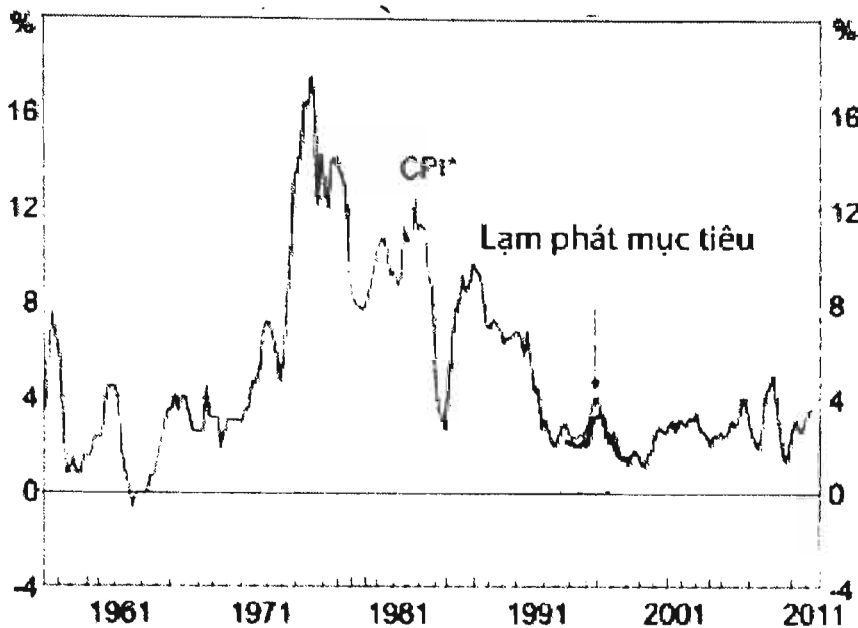
Bảng 2. Thị trường nhập khẩu của Australia

Thị trường nhập khẩu của Australia	2001-2002	2007-2010
Mỹ	17,9%	10,7%
Nhật	12,9%	8,7%
Trung Quốc	9,4%	17,9%
Đức	5,6%	5,3%
Anh	5,2%	2,8%
NewZealand	4%	3,4%
Hàn Quốc	3,9%	3,5%
Indonexia	3,4%	-
Singapore	3,3%	5,4%
Malaysia	3,2%	4,2%
Khác	31,2%	38,1%

Nguồn: Vụ Ngoại giao và Thương mại, Ủy ban Thương mại Australia và tính toán của tác giả

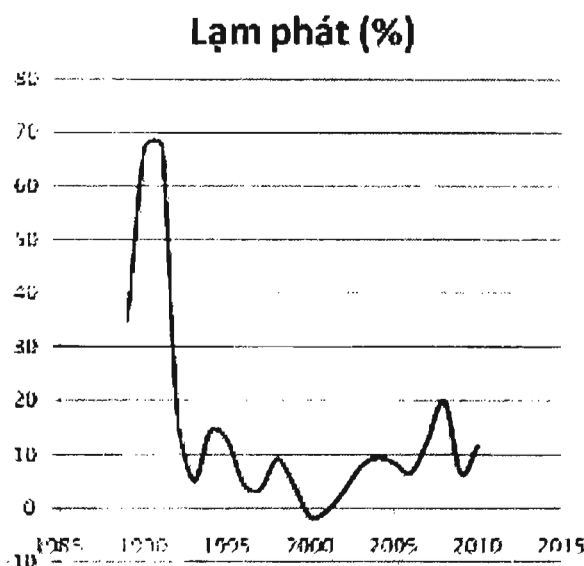


Đồ thị 1. Tỷ lệ lạm phát của Australia 1955-2011. Chính sách tiền tệ “lạm phát mục tiêu” bắt đầu được Australia theo đuổi từ 1993



Nguồn: Ngân hàng dự trữ quốc gia Australia

Đồ thị 2. Lạm phát của Việt Nam 1989-2010



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

(được gọi là “cash rate”). Đây được coi là mức lãi suất trung tâm, dựa trên đó các mức lãi suất của nền kinh tế được điều chỉnh. Rõ ràng, chính sách tiền tệ có ảnh hưởng rất lớn tới thị trường tài chính.

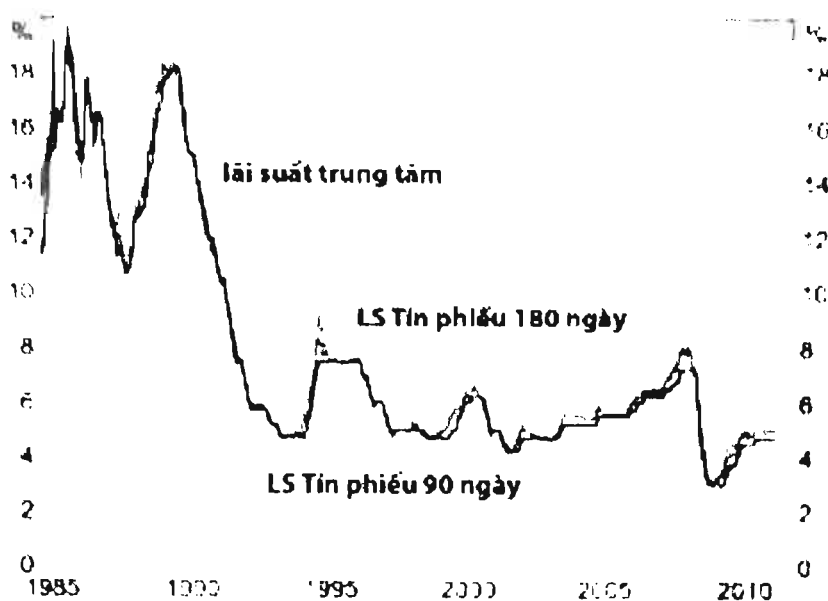
Kể từ khi Luật Ngân hàng dự trữ quốc gia được ban hành năm 1959, lãi suất trung tâm (Cash rate) đã được thiết lập nhằm các mục tiêu của chính sách tiền tệ, đó là:

- Ổn định giá trị đồng tiền quốc gia

- Đảm bảo toàn dụng nhân công, và
- Đảm bảo mức sống và phúc lợi xã hội cho người dân

Nhìn vào đồ thị 1 ta thấy, sau khi trải qua giai đoạn khó khăn nhất vào năm 1972-1973 với tỷ lệ lạm phát kỷ lục hơn 16%, trong suốt hai thập kỷ trở lại đây, nền kinh tế Australia đã và đang chứng tỏ là quốc gia giữ được sự ổn định giá trị đồng tiền đáng nể phục. Kể từ 1993, các mục tiêu nêu trên đã được Ngân hàng dự trữ quốc gia Australia cụ thể hóa

Đồ thị 3: Lãi suất ngắn hạn của Australia



Nguồn: Ngân hàng dự trữ quốc gia Australia

thành mục tiêu quan trọng nhất: **tỷ lệ lạm phát là 2-3%/năm trong trung hạn**. Trong quá trình điều hành chính sách tiền tệ, RBA luôn thể hiện rõ quyết tâm duy trì bằng được mức lạm phát mục tiêu này. Tuy nhiên, cần phải nhấn mạnh rằng đây là mức lạm phát mục tiêu trong trung hạn chứ không phải là mức lạm phát mục tiêu cố định vĩnh viễn.

Diễn biến lạm phát của Việt Nam dường như cũng tương tự với Australia trước đó gần hai thập kỷ (Đồ thị 2). Tuy nhiên, xét về con số thì mức lạm phát ở Việt Nam luôn cao hơn lạm phát của Australia khoảng từ 3 đến 4 lần. Mức cao nhất của Australia vào năm 1972 cũng chỉ là 16%, bằng một phần tư mức lạm phát cao nhất của Việt Nam năm 1989 (67%). Hiện tại (tháng 8 năm 2011), lạm phát của Việt Nam đã xấp xỉ 16%, trong khi tại Australia, lạm phát chỉ gần 4%.

Tại Australia, mỗi năm Hội đồng Thống đốc họp 11 lần, vào thứ ba đầu tiên của các tháng, trừ tháng Giêng. Tại mỗi buổi họp, cơ quan trung ương điều hành chính sách tiền tệ này chuẩn bị tài liệu về tình hình kinh tế, tài chính trong nước và quốc tế rất chi tiết. Dân chúng không những chỉ biết trước thời điểm họp mà còn được công bố về các quyết định của chính sách tiền tệ ngay sau khi cuộc họp kết thúc. Công khai, dân chủ là đặc điểm không chỉ thấy ở Ngân hàng Dự trữ quốc gia Australia. Tại thủ đô Canberra, người dân được quyền vào thăm Tòa nhà Quốc hội; đặc biệt, các em học sinh có thể được tận mắt chứng kiến Quốc hội họp, tranh luận và đưa ra

quyết định như thế nào.

Trong Ngân hàng Dự trữ quốc gia Australia, Vụ Thị trường nội địa được giao nhiệm vụ duy trì các điều kiện của thị trường tiền tệ, cụ thể là duy trì mức lãi suất trung tâm theo sát mục tiêu do Hội đồng thống đốc đặt ra. Giữa lãi suất trung tâm và lãi suất thị trường luôn thể hiện mối quan hệ gắn kết rất chặt chẽ, điều này được thể hiện trong đồ thị dưới đây.

Đồ thị 3 cho thấy, trong suốt nhiều thập kỷ lãi suất Tín phiếu Kho bạc kỳ hạn 90 và 180 ngày gần như theo sát diễn biến của lãi suất trung tâm.

Đi kèm với quyết định mới của Hội đồng Thống đốc đều có văn bản giải thích được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng vào lúc 2h30 chiều ngay sau buổi họp. Tỷ lệ lãi suất trung tâm mới sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày hôm sau.

Lãi suất trung tâm được quyết định bởi cung và cầu vốn vay qua đêm trên thị trường tiền tệ. Khi Ngân hàng Dự trữ quốc gia sẵn sàng cấp lượng vốn cho vay nhiều hơn nhu cầu của các ngân hàng, các ngân hàng sẽ sử dụng phần vốn dư thừa để cho vay lại trên thị trường, kết quả là lãi suất trung tâm có xu hướng giảm. Ngược lại, lãi suất trung tâm sẽ tăng khi lượng vốn cho vay qua đêm của Ngân hàng Dự trữ quốc gia không đủ đáp ứng nhu cầu của các ngân hàng, buộc các ngân hàng này phải tiếp tục vay trên thị trường thứ cấp.

Một điểm đáng chú ý nữa trong điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng dự trữ quốc gia Australia

Bảng 3: Tài sản dự trữ chính thức của Australia (triệu USD)

Cuối tháng	Ngoại tệ	SDRs	Đóng góp vào IMF	Vàng	Tổng
7/2010	33,940	4,714	1,060	3,001	42,716
8/2010	28,615	4,677	1,051	3,199	37,542
9/2010	32,153	4,811	1,082	3,356	41,401
10/2010	33,493	4,855	1,093	3,458	42,899
11/2010	32,561	4,737	1,067	3,552	41,917
12/2010	32,793	4,764	1,102	3,608	42,268
1/2011	30,963	4,839	1,299	3,407	40,509
2/2011	30,747	4,857	1,304	3,623	40,530
3/2011	27,037	4,888	1,312	3,694	36,932
4/2011	31,570	5,011	1,345	3,942	41,869
5/2011	32,657	4,930	1,678	3,945	43,210
6/2011	33,681	4,941	1,683	3,865	44,170
7/2011	33,649	4,916	1,854	4,181	44,600

Nguồn: Ngân hàng dự trữ quốc gia Australia

là việc công bố công khai tài sản dự trữ chính thức. Bảng 3 cung cấp số liệu về dự trữ chính thức của Australia tính theo tháng, được cập nhật tới tháng 7/2011. Thông tin này giúp người dân Australia nắm được một cách chính xác không chỉ quy mô mà cả cơ cấu tài sản dự trữ của đất nước mình. Đó là tài sản của chính họ, chứ không chỉ của riêng Chính phủ hay của Ngân hàng dự trữ quốc gia.

Như đã đề cập ở trên, lạm phát hiện nay của Australia khoảng 3,6%, xếp thứ 47/80 quốc gia (*Nguồn: Trading Economics*). Đây chưa phải là mức cao so với nhiều quốc gia trên thế giới (tính đến đầu quý 3/2011 tỷ lệ lạm phát của Trung Quốc: 6,2%, Ấn Độ: 8,43%, New Zealand: 5,5%, Anh: 4,5%, Hàn Quốc: 5,3%, Singapore: 5,4%), nhưng đã vượt qua mức cao nhất cho phép của chính sách tiền tệ Australia (3%). Chính vì vậy, ngay từ cuộc họp tháng 11/2010, Thống đốc RBA đã quyết định thắt chặt nhẹ cung tiền bằng việc tăng lãi suất trung tâm thêm 25 điểm, tức là từ 4,5%/năm lên 4,75%/năm. Bất ổn đang gia tăng tại nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt khủng hoảng nợ công ở Châu Âu ngày càng nghiêm trọng. Trong nước, đợt lũ và lốc xoáy xảy ra vào đầu năm 2011 đã khiến cho sản lượng khai thác than của Australia giảm mạnh và gây mất mùa cho người dân trồng chuối. Tất cả những điều này đều đã được Hội đồng Thống đốc RBA xem xét, tuy nhiên đó không phải là nguyên nhân trực tiếp có thể ảnh hưởng tới chính sách tiền tệ. Chính vì vậy, trải qua 11 kỳ họp

kể từ cuối năm 2010, lãi suất trung tâm vẫn được duy trì ở mức 4,75%.

Là ngân hàng trung ương quốc gia, ngân hàng của các ngân hàng, nhưng RBA không chỉ bó hẹp phạm vi ảnh hưởng trong hệ thống các tổ chức tín dụng. Mới đây, ngày 7 tháng 9 năm 2011, ngay sau khi công bố quyết định giữ nguyên lãi suất trung tâm, RBA đã chủ động gửi thông điệp tới Phòng Thương mại và công nghiệp và Tổng cục Khai khoáng và Năng lượng Australia, trong đó bày tỏ rõ quan điểm vì sao RBA quyết tâm duy trì mức lạm phát thấp mà không cho phép một mức cao hơn. Câu trả lời của RBA là **“liệu chúng ta đã sẵn sàng tới đâu để có thể đương đầu được với những điều sẽ xảy ra khi lạm phát tăng cao?”**. Lịch sử Australia đã cho thấy, khi lạm phát tăng, mọi người đều phải tìm cách tự bảo vệ mình, họ sẽ không chịu để cho giá trị tài sản của mình bị xói mòn. Khi ấy, nguồn lực bị lãng phí, cơ cấu kinh tế bị thay đổi, thiệt hại còn lớn hơn nhiều.

3. Kết luận

Từ những quan sát, tìm hiểu về cơ chế hoạt động và điều hành của Ngân hàng dự trữ quốc gia Australia, tác giả nhận thấy câu hỏi ở đầu bài viết đã có câu trả lời. Cho dù quá trình phát triển của Việt Nam chậm hơn khoảng gần hai thập kỷ so với Australia, nhưng những gì mà quốc gia này đã và đang làm, Việt Nam cũng có thể làm được, dù phải mất thời

gian. Giữa hai quốc gia còn tồn tại khá nhiều điểm khác biệt, ví dụ vào năm 1983 Australia đã chính thức áp dụng chế độ tỷ giá thả nổi, và từ 1996 Ngân hàng Dự trữ quốc gia Australia đã trở thành cơ quan độc lập hoàn toàn với Chính phủ trong điều hành chính sách tiền tệ, nhưng có thể thấy rõ, xét về mục tiêu, chính sách tiền tệ của Việt Nam và của Australia không hề khác nhau. Với quan điểm như vậy, tác giả đề xuất một vài kiến nghị về cơ chế hoạt động và điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN):

Là cơ quan điều hành và thực thi chính sách tiền tệ quốc gia, NHNN phải là đầu mối cung cấp số liệu thống kê về tiền tệ cho mọi đối tượng. Điều này có nghĩa là, công tác dự báo thống kê của NHNN cần phải được thực hiện một cách chi tiết, cập nhật hơn. Tránh hiện tượng người dân khi muốn biết thông tin cụ thể lại phải lấy từ nguồn của các tổ chức tài chính quốc tế như World Bank hay IMF, do một số số liệu hiện nay chỉ được công bố một cách chung chung “khoảng”, “thiếu”, “đủ”. Điều này sẽ giúp người dân có được niềm tin vào sự công khai, minh bạch của tình hình tài chính quốc gia. Phải tạo được niềm tin này thì mới có thể nói đến niềm tin vào giá trị của đồng bản tệ.

Trên cơ sở công bố công khai số liệu thống kê, hướng đi của chính sách tiền tệ trong ngắn hạn cũng phải được công bố một cách chính thức bởi người có thẩm quyền. Ý kiến cá nhân của các thành viên trong NHNN cần thống nhất với quan điểm chính thức của cơ quan điều hành tiền tệ này. Việc công bố phương hướng điều hành chính sách tiền tệ phải được thực hiện một cách tương đối đều đặn với tần suất cao hơn: hàng tháng, không nên chỉ tới khi tình hình trở nên căng thẳng người dân mới thấy sự xuất hiện của NHNN.

Tài liệu tham khảo:

1. Charles A.E. Goohart (2004), “*Money, Stability and Growth*”, Palgrave Macmillan Ltd. Publisher
2. Ric Battellino (2011) (RBA’s Deputy Governor), “*The RBA’s Thinking on the Economy Over the Past Year*”
3. P.H.Karmel & M.Brunt (1962), “*The structure of the Australian Economy*”
4. Website Tổng cục Thống kê: www.gso.gov.vn
5. Website Ngân hàng Dự trữ quốc gia Australia: www.rba.gov.au
6. Website Vụ Ngoại giao và Thương mại, Ủy ban Thương mại Australia: www.dfat.gov.au

Cuối cùng, NHNN Việt Nam cần được xác định rõ vai trò là cơ quan điều hành chính sách tiền tệ quốc gia với chỉ duy nhất một mục tiêu (hiện tại là kiềm chế lạm phát), và trong tương lai sẽ chỉ sử dụng duy nhất một công cụ (lãi suất) tại một thời điểm. Đồ thị 2 cho thấy giá trị đồng tiền của chúng ta thiếu sự ổn định vững chắc, khi lạm phát tương như đã được kiềm chế thành công kể từ sau 2008, chỉ trong vòng chưa đầy 2 năm hiện tượng này đã quay trở lại. Trong khoảng thời gian đó, đã có rất nhiều công cụ, biện pháp được NHNN áp dụng, nhưng đa số mang tính chất chống đỡ, ngăn hạn, chứ không thể hiện sự chủ động ở tầm trung hạn. Điển hình là “biên độ dao động của tỷ giá” hay “phá giá tiền tệ”, với khoảng 7-8 lần thay đổi cho mỗi công cụ, điều này đã ảnh hưởng rất lớn tới tâm lý và, tất yếu, tới hành vi của người dân, khiến “thị trường” có nhiều thời điểm đã không còn hoạt động theo đúng nghĩa của từ này. Về lãi suất, trên thực tế, NHNN Việt Nam định hướng thị trường bằng công cụ “lãi suất cơ bản” hơn là lãi suất cho vay qua đêm trên thị trường liên ngân hàng (tại Australia, lãi suất cho vay qua đêm chính là “lãi suất trung tâm” (cash rate) như đã đề cập ở trên). “Lãi suất cơ bản” do NHNN công bố thực chất vẫn là hàng rào trần – sàn lãi suất áp dụng cho các tổ chức tín dụng trong huy động vốn và cho vay, chưa phản ánh chính xác cung cầu vốn trên thị trường tiền tệ.

Tóm lại, mặc dù về cuối năm 2011 đã có những tín hiệu lạc quan (cán cân thanh toán bắt đầu thặng dư, dự trữ ngoại hối tăng), nền kinh tế Việt Nam hiện đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, vẫn chứa đựng đầy sự bất ổn, đòi hỏi Chính phủ, và trung tâm là NHNN Việt Nam cần giữ vững quyết tâm, sự kiên định, chủ động, linh hoạt, cởi mở, nhằm theo tới cùng mục tiêu ổn định giá trị đồng nội tệ. □